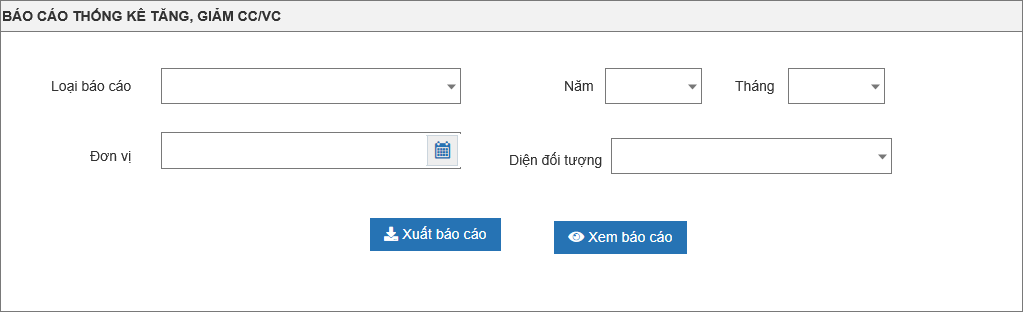
### **Báo cáo thi đua khen thưởng**

Menu: Đăng nhập vào hệ thống/ Vào báo cáo thống kê/ Báo cáo theo nhu cầu Báo cáo tăng, giảm CC/VC

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

Bảng EMP\_REWARD\_PROCESS

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 2 | Loại báo cáo |  | Combobox |  | =Null | Gồm 2 giá trị fix cứng:   * Năm * Tháng   Là trường bắt buộc |
| 3 | Năm |  | Combobox |  | =Null | Hiển thị danh sách từ (năm hiện tại -50 năm) đến ( năm hiện tại +50 năm)  Là trường bắt buộc  Bắt validate năm không vượt quá năm hiện tại   * Ra thông báo : năm đã chọn vượt quá năm hiện tại |
| 4 | Tháng |  | Combobox |  | =Null | Chỉ hiển thị với loại báo cáo Tháng  Gồm 12 giá trị:  Tháng 1  Tháng 2  Tháng 3  Tháng 4  Tháng 5  Tháng 6  Tháng 7  Tháng 8  Tháng 9  Tháng 10  Tháng 11  Tháng 12  Bắt validate tháng, năm không vượt quá tháng năm hiện tại   * Ra thông báo : Tháng, năm đã chọn vượt quá tháng năm hiện tại |
| 5 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc |
| 6 | Diện đối tượng |  | Combobox |  | NULL | Hiên thị danh sách  = EMP\_TYPE.NAME của bản ghi có IS\_US ED =1 |
| 7 | Xuất báo cáo |  | Button |  |  | Click xuất báo cáo🡪 xuất ra file báo cáo đã chọn dưới dang excel |
| 8 | Xem báo cáo |  |  |  |  |  |

##### Template mẫu báo cáo

Template: 

Trường dữ liệu:

* Danh sách thống kê tăng/giảm trong Năm/Tháng đã chọn
* Đơn vị = ORGANIZATION. NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:

ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION\_ID của tổ chức đã chọn tab thông tin chung

OR

( PATH like %( ORGANIZATION\_ID của tổ chức đã chọn tab thông tin chung)%

**Nếu đơn vị đó tất cả cột giá trị =0 🡪 Không hiển thị bản ghi của đơn vị đó**

* Số lượng nhân sự đầu kỳ = COUNT (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= EMP\_TYPE\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

EMP\_TYPE\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE < Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm

AND

(EMP\_TYPE\_PROCESS.EXPIRED\_DATE>= Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm OR EMP\_TYPE\_PROCESS. EXPIRED\_DATE IS NULL)

AND

EMP\_TYPE\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID = Diện đối tượng đã chọn

AND WORRK \_PROCESS\_ID = WORRK \_PROCESS. WORRK \_PROCESS\_ID của bản ghi có:

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION\_ID tương ứng

OR (( PATH like %( ORGANIZATION \_ID của tổ chức tương ứng)%

* Số lượng tăng trong kỳ == COUNT (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có:

EMPLOYEE\_ID= EMP\_TYPE\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

EMP\_TYPE\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE BETWEEN (Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm, Ngày cuối cùng của Tháng hoặc năm)

AND

EMP\_TYPE\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID = Diện đối tượng đã chọn

AND WORRK \_PROCESS\_ID = WORRK \_PROCESS. WORRK \_PROCESS\_ID của bản ghi có:

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION\_ID tương ứng

OR (( PATH like %( ORGANIZATION \_ID của tổ chức tương ứng)%

* Số lượng giảm trong kỳ == COUNT (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có:

EMPLOYEE\_ID= EMP\_TYPE\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

EMP\_TYPE\_PROCESS.EXPIRED \_DATE BETWEEN (Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm, Ngày cuối cùng của Tháng hoặc năm)

AND

EMP\_TYPE\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID = Diện đối tượng đã chọn

AND WORRK \_PROCESS\_ID = WORRK \_PROCESS. WORRK \_PROCESS\_ID của bản ghi có:

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION\_ID tương ứng

OR (( PATH like %( ORGANIZATION \_ID của tổ chức tương ứng)%

* Số lượng nhân sự cuối kỳ = Nhân sự đầu kỳ + Tăng –Giảm